

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2018

**CÁC TIÊU CHÍ CƠ BẢN ĐÁNH GIÁ, BÌNH CHỌN DANH HIỆU SẢN PHẨM, DỊCH VỤ AN TOÀN THÔNG TIN 2018**

<p style="text-align: center;"><b>DANH HIỆU</b></p> <p><b>TIÊU CHÍ BÌNH CHỌN</b></p>	<p><b>SẢN PHẨM AN TOÀN THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG CAO 2018</b></p>	<p><b>SẢN PHẨM AN TOÀN THÔNG TIN MỚI XUẤT SẮC 2018</b></p>	<p><b>DỊCH VỤ AN TOÀN THÔNG TIN TIÊU BIỂU 2018</b></p>
<p><b>Nhóm I. Tính năng và hiệu quả ứng dụng</b></p>	<p>1. Tính hoàn thiện của các chức năng sản phẩm;                  2. Mức độ đáp ứng của các tiêu chí với đòi hỏi thực tiễn;                  3. Khả năng triển khai ứng dụng của sản phẩm trong các lĩnh vực, Quy mô ứng dụng của sản phẩm và hiệu quả kinh tế - xã hội;                  4. Tính tương thích, khả năng tích hợp của sản phẩm;                  5. Tính thân thiện và tiện dụng với người dùng;                  6. Yếu tố thuận tiện trong việc nâng cấp, phát triển sản phẩm.</p>	<p>1. Tính hoàn thiện của các chức năng sản phẩm;                  2. Mức độ đáp ứng của các tiêu chí với đòi hỏi thực tiễn;                  3. Khả năng triển khai ứng dụng của sản phẩm trong các lĩnh vực, Quy mô ứng dụng của sản phẩm và hiệu quả kinh tế - xã hội;                  4. Tính tương thích, khả năng tích hợp của sản phẩm;                  5. Tính thân thiện và tiện dụng với người dùng;                  6. Yếu tố thuận tiện trong việc nâng cấp, phát triển sản phẩm.</p>	<p>1. Các tính năng của dịch vụ ATTT (Quy mô, phạm vi các nội dung và chất lượng kết quả mà dịch vụ đáp ứng được);                  2. Mức độ đáp ứng của tính năng dịch vụ so với nhu cầu thực tiễn;                  3. Khả năng triển khai áp dụng dịch vụ cho các đối tượng nào;                  4. Hiệu quả kinh tế - xã hội đem lại cho đối tượng sử dụng dịch vụ;                  5. Tính thuận lợi, khả năng dễ dàng sử dụng dịch vụ.</p>
<p><b>Nhóm II. Công nghệ và chất lượng sản phẩm</b></p>	<p>1. Các tiêu chuẩn và các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật được triển khai trong sản phẩm;                  2. Quy trình quản lý chất lượng được áp dụng;                  3. Tính khả dụng (sẵn sàng) và ổn định của sản phẩm (ví dụ: Khả</p>	<p>1. Các tiêu chuẩn và các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật được triển khai trong sản phẩm;                  2. Quy trình quản lý chất lượng được áp dụng;                  3. Tính khả dụng (sẵn sàng) và ổn định của sản phẩm (ví dụ: Khả</p>	<p>1. Tính tương thích kỹ thuật của dịch vụ (Khả dụng cho các hệ thống kỹ thuật và mô hình tổ chức nào?);                  2. Mức độ áp dụng công cụ kỹ thuật hỗ trợ dịch vụ và mức độ sử dụng chuyên gia phân tích;</p>

	<p>năng làm việc liên tục không mắc lỗi, môi trường phải có đảm bảo sản phẩm làm việc ổn định; các trục trặc có thể phát sinh khi sử dụng và cách khắc phục...);</p> <p>4. Tính bảo mật, an ninh của sản phẩm (ví dụ: Khả năng chống tấn công, thâm nhập từ bên ngoài; Các tính năng bảo mật, chống lây cắp thông tin; khả năng phát hiện và chống tấn công thay đổi cấu hình, dữ liệu...)</p> <p>5. Tính toàn vẹn và hiệu năng hoạt động của sản phẩm/thiết bị đạt được (ví dụ: Khả năng chống phá hủy, thay đổi cấu hình hệ thống; Tốc độ kết nối, Tốc độ Throughput, số lượng Connections tối đa, Tỷ lệ packet lỗi v.v...);</p> <p>6. Ưu/nhược điểm công nghệ so với các sản phẩm tương tự của Việt Nam và nước ngoài;</p> <p>7. Khả năng tương thích, linh hoạt, tùy biến của sản phẩm.</p>	<p>năng làm việc liên tục không mắc lỗi, môi trường phải có đảm bảo sản phẩm làm việc ổn định; các trục trặc có thể phát sinh khi sử dụng và cách khắc phục...);</p> <p>4. Tính bảo mật, an ninh của sản phẩm (ví dụ: Khả năng chống tấn công, thâm nhập từ bên ngoài; Các tính năng bảo mật, chống lây cắp thông tin; khả năng phát hiện và chống tấn công thay đổi cấu hình, dữ liệu...)</p> <p>5. Tính toàn vẹn và hiệu năng hoạt động của sản phẩm/thiết bị đạt được (ví dụ: Khả năng chống phá hủy, thay đổi cấu hình hệ thống; Tốc độ kết nối, Tốc độ Throughput, số lượng Connections tối đa, Tỷ lệ packet lỗi v.v...);</p> <p>6. Ưu/nhược điểm công nghệ so với các sản phẩm tương tự của Việt Nam và nước ngoài;</p> <p>7. Khả năng tương thích, linh hoạt, tùy biến của sản phẩm.</p>	<p>3. Mức độ làm chủ kỹ thuật (khả năng tự nghiên cứu phát triển công cụ, ứng dụng công cụ nhập ngoại, đảm bảo tính an toàn bảo mật khi sử dụng dịch vụ, ...);</p> <p>4. Những đột phá và sáng tạo về giải pháp công nghệ và công cụ kỹ thuật của dịch vụ;</p> <p>5. Mức độ đáp ứng nhân lực thực hiện dịch vụ (các vị trí công việc, số lượng, chất lượng cán bộ kỹ thuật và đội ngũ chuyên gia);</p> <p>6. Ưu/nhược điểm giải pháp và công nghệ so với các dịch vụ tương tự của Việt Nam và nước ngoài.</p>
<p><b>Nhóm III. Tính sáng tạo và đột phá</b></p>	<p>1. Khả năng làm chủ công nghệ của sản phẩm;</p> <p>2. Tỷ lệ nội địa hóa cao;</p> <p>3. Những đột phá và sáng tạo về tính năng của sản phẩm;</p> <p>4. Những đột phá và sáng tạo về thiết kế, giải pháp công nghệ;</p> <p>5. Những đột phá và sáng tạo trên các lĩnh vực khác.</p>	<p>1. Khả năng làm chủ công nghệ của sản phẩm;</p> <p>2. Tỷ lệ nội địa hóa cao;</p> <p>3. Những đột phá và sáng tạo về tính năng của sản phẩm;</p> <p>4. Những đột phá và sáng tạo về thiết kế, giải pháp công nghệ;</p> <p>5. Những đột phá và sáng tạo trên các lĩnh vực khác.</p>	<p>1. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho các giải pháp công nghệ được triển khai trong dịch vụ (phù hợp với yêu cầu của Việt Nam và quốc tế?);</p> <p>2. Khả năng linh hoạt, tùy biến quy trình của dịch vụ. Khả năng mở rộng dịch vụ, phối hợp với các quy trình dịch vụ phổ biến khác (nếu có);</p>

			<p>3. Quy trình và giải pháp hỗ trợ khách hàng sử dụng dịch vụ;</p> <p>4. Kết quả dịch vụ đạt được sẽ hỗ trợ người sử dụng tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn ATTT nào? Hỗ trợ lập báo cáo tuân thủ ở mức như thế nào?</p> <p>5. Kết quả dịch vụ đạt được sẽ hỗ trợ Lãnh đạo hay cán bộ chuyên gia ATTT thực hiện nhiệm vụ bảo đảm ATTTM như thế nào?</p> <p>6. Những đột phá và sáng tạo về quy trình, tiêu chuẩn của dịch vụ.</p>
<p><b>Nhóm IV. Khả năng thương mại hóa (tiềm năng và thực tế)</b></p>	<p>1. Thị trường tiềm năng và công tác phát triển thị trường;</p> <p>2. Giải pháp hỗ trợ khách hàng sử dụng sản phẩm (triển khai sử dụng, vận hành, sửa chữa, khắc phục sự cố, ...);</p> <p>3. Ưu điểm về giá cả;</p> <p>4. Qui mô thị trường, doanh thu năm 2016 và 2017 của sản phẩm;</p> <p>5. Danh sách, số lượng các khách hàng đang sử dụng sản phẩm; Những khách hàng tiêu biểu và kết quả nổi bật khi ứng dụng sản phẩm.</p>	<p>1. Đánh giá nhu cầu sử dụng và thị trường tiềm năng của sản phẩm;</p> <p>2. Có chiến lược và định hướng phát triển hợp lý.</p> <p>3. Dự kiến ưu điểm về giá cả so với các sản phẩm đã có trên thị trường, khả năng chuyển giao công nghệ; Báo cáo tình hình tài chính 1 năm gần đây của doanh nghiệp.</p> <p>4. Dự kiến giải pháp tiếp thị và hỗ trợ khách hàng sử dụng (triển khai, vận hành, sửa chữa, khắc phục sự cố, ...) sản phẩm; Danh sách, số lượng các khách hàng đang sử dụng sản phẩm (nếu có)</p>	<p>1. Tỷ lệ chiếm lĩnh thị trường. Thị trường tiềm năng và công tác phát triển thị trường;</p> <p>2. Đầu tư phát triển, chi phí phát triển, duy trì dịch vụ;</p> <p>3. Ưu điểm về giá cả. So sánh giá với hiệu quả áp dụng;</p> <p>4. Qui mô thị trường, doanh thu năm 2016 và 2017 của dịch vụ;</p> <p>5. Phản hồi của thị trường về chất lượng dịch vụ. Danh sách, số lượng các khách hàng đang sử dụng dịch vụ; Những khách hàng tiêu biểu và kết quả nổi bật khi sử dụng dịch vụ.</p>